

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2025

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Đợt xét: Đợt 3/2025

Môn thi: HD-Lý thuyết tổng hợp - 1220211

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm (L1)	Điểm (L2)	Điểm (L3)	Điểm (L4)	Lớp học	Ghi chú
1	Phan Văn	Duy	04/09/2004	2.00				CĐBE03N01	
2	Hoàng Ngọc Hải	Đăng	01/08/2004	2.50				CĐBE03N09	
3	Trần Kim	Đồng	28/01/2003	1.50				CĐBE02N06	
4	Lê Lý Thanh	Hậu	02/12/2004	4.00				CĐBE03N06	
5	Trần Đức	Hiển	05/6/2003	3.50				CĐBE02N01	
6	Phạm Văn	Khánh	12/04/2003	5.50				CĐBE03N06	
7	Hoàng Thị	Liên	19/11/2002	6.00				CĐBE02N06	
8	Nguyễn Quang	Mỹ	25/02/2004	6.00				CĐBE03N02	
9	Lưu Bình	Phước	25/06/2004	2.50				CĐBE03N04	
10	Lê Văn	Sơn	12/12/2004	3.50				CĐBE03N02	
11	Nguyễn Trọng	Thị	08/01/2003	6.50				CĐBE03N01	
12	Võ Ngọc	Thiện	21/05/2004	7.00				CĐBE03N01	
13	Trần Thị Anh	Thư	13/03/2004	4.00				CĐBE03N02	
14	Văn Phú	Trí	24/04/2004	5.50				CĐBE03N08	
15	Vũ Nguyễn Ngọc	Trung	07/10/2004	6.00				CĐBE03N03	
16	Võ Thị Mai	An	08/02/2005	8.00				CĐBE04N01	
17	Nguyễn Hoàng Phương	Anh	24/05/2005	6.00				CĐBE04N03	
18	Nguyễn Chí	Bảo	21/05/2005	8.00				CĐBE04N04	
19	Nguyễn Phúc Yên	Bình	22/12/2005	6.00				CĐBE04N03	
20	Nguyễn Thành	Công	06/02/2005	5.00				CĐBE04N03	
21	Nguyễn Thế	Doanh	23/12/2003	7.00				CĐBE04N01	
22	Lê Hoàng	Dũng	22/08/2003	8.00				CĐBE04N01	
23	Nguyễn Trường	Duy	12/05/2005	4.00				CĐBE04N02	
24	Trần Thị Bé	Ghi	03/11/2005	7.50				CĐBE04N04	
25	Nguyễn Khắc Trường	Giang	03/02/2005	5.00				CĐBE04N03	
26	Trần Trường	Giang	18/05/2004	5.50				CĐBE04N03	
27	Trần Ngọc	Hân	06/10/2005	7.00				CĐBE04N03	
28	Võ Duy	Hiển	20/03/2004	4.50				CĐBE04N01	
29	Nguyễn Huy	Hoàng	24/10/2005	5.50				CĐBE04N03	
30	Võ Lưu Phúc	Hưng	17/10/2005	6.00				CĐBE04N05	
31	Nguyễn Quốc	Huy	12/05/2005	8.00				CĐBE04N04	
32	Nguyễn Duy Hoàng	Khương	11/01/2005	4.00				CĐBE04N02	
33	Ngô Gia	Kiệt	04/11/2005	2.00				CĐBE04N02	

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm (L1)	Điểm (L2)	Điểm (L3)	Điểm (L4)	Lớp học	Ghi chú
34	Nguyễn Thị	Linh	12/05/2005	1.50				CĐBE04N02	
35	Trịnh Thị Yên	Linh	30/05/2005	2.50				CĐBE04N03	
36	Nguyễn Đăng	Lợi	15/08/2004	1.50				CĐBE04N01	
37	Nguyễn Đức	Lợi	01/09/2003	4.50				CĐBE04N01	
38	Võ Nguyễn Thiên	Long	10/07/2005	4.50				CĐBE04N01	
39	Đặng Thị Kim	Luyến	30/11/2005	7.00				CĐBE04N03	
40	Trần Thị Diễm	My	07/10/2005	5.50				CĐBE04N01	
41	Trần Bảo	Năng	12/02/2004	5.00				CĐBE04N01	
42	Đinh Thị Tuyết	Ngân	16/03/2005	3.50				CĐBE04N03	
43	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	05/11/2002	0.00				CĐBE04N02	
44	Phạm Mai Xuân	Nghi	21/10/2005	9.00				CĐBE04N03	
45	Phạm Yên	Nghi	09/08/2005	7.50				CĐBE04N03	
46	Phạm Khôi	Nguyên	31/07/2005	3.50				CĐBE04N01	
47	Lê Gia	Nhật	12/11/2005	7.00				CĐBE04N01	
48	Trần Hữu	Nhật	24/12/2003	6.00				CĐBE04N01	
49	Võ Hồng	Phát	06/05/2005	5.00				CĐBE04N02	
50	Ngô Trọng	Phúc	07/04/2005	6.50				CĐBE04N02	
51	Nguyễn Châu Thiên	Phúc	23/10/2005	6.00				CĐBE04N03	
52	Trần Trọng	Phúc	11/11/2004	4.50				CĐBE04N02	
53	Ôn Kim	Phụng	13/11/1998	8.50				CĐBE04N01	
54	Trần Minh	Quân	28/09/2005	4.00				CĐBE04N04	
55	Ngô Ngọc	Quý	19/03/2003	8.00				CĐBE04N01	
56	Đặng Trúc	Quỳnh	04/08/2005	6.00				CĐBE04N03	
57	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	02/08/2005	5.50				CĐBE04N03	
58	Nguyễn Văn	Sơn	27/01/2005	4.50				CĐBE04N03	
59	Tô Diễm	Sơn	30/04/2005	3.00				CĐBE04N02	
60	Đỗ Minh	Tâm	17/02/2001	5.00				CĐBE04N05	
61	Nguyễn Duy	Tân	29/09/2005	6.00				CĐBE04N03	
62	Nguyễn Thanh	Thái	20/02/2005	9.00				CĐBE04N03	
63	Liễu Văn	Thắng	05/11/2004	4.50				CĐBE04N01	
64	Nguyễn Quang	Thắng	05/01/2005	6.00				CĐBE04N03	
65	Đoàn Mai Thanh	Thảo	07/05/2005	5.50				CĐBE04N03	
66	Phạm Thị Thanh	Thảo	17/07/2004	4.50				CĐBE04N02	
67	Trương Ngọc	Thiện	02/08/2005	7.00				CĐBE04N04	
68	Lư Sanh	Thịnh	10/12/2005	5.50				CĐBE04N05	
69	Trần Anh	Thoại	10/09/2004	0.50				CĐBE04N01	
70	Huỳnh Thế	Thông	22/02/2005	8.00				CĐBE04N03	
71	Ngô Anh	Thư	09/02/2005	5.50				CĐBE04N03	
72	Trương Trí	Thức	06/10/2004	4.50				CĐBE04N02	

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm (L1)	Điểm (L2)	Điểm (L3)	Điểm (L4)	Lớp học	Ghi chú
73	Phạm Thị Bích	Thương	03/02/2005	5.00				CĐBE04N02	
74	Lâm Văn	Toàn	05/06/2005	7.50				CĐBE04N03	
75	Lê Quỳnh	Trân	27/01/2004	4.50				CĐBE04N02	
76	Trần Cao Bảo	Trân	02/09/2005	3.50				CĐBE04N02	
77	Trần Minh	Triết	24/02/2002	6.00				CĐBE04N03	
78	Nguyễn Việt Hải	Tùng	12/07/2005	8.50				CĐBE04N01	
79	Võ Lê Cát	Tường	05/01/2005	7.50				CĐBE04N01	
80	Nguyễn Dương Phương	Uyên	22/08/2005	9.00				CĐBE04N05	
81	Từ Chấn	Vinh	31/10/2002	6.00				CĐBE04N01	
82	Phạm Hồng	Vũ	06/07/2005	4.00				CĐBE04N03	
83	Nguyễn Thị Kim	Xoàn	03/10/2005	6.00				CĐBE04N03	
84	Nguyễn Thị Như	Ý	14/02/2005	5.50				CĐBE04N02	